

第七課  
嘉義縣市、  
臺南縣市



Bài 7  
Huyện/ thành Chia Yi ,  
huyện/ thành TaiNan

五

7

嘉義縣市、臺南縣市

■ 嘉義縣市、臺南縣市

■ 文宏和泰國籍的芬莉結婚，居住在北部。他們利用休假期間回臺南老家幫忙蓮花季的生意。

■ 場景一：家中客廳

■ 母：芬莉面帶微笑，招呼客人很親切，贏得好評。

■ 芬莉：謝謝媽媽的誇獎。

■ 父：明天我們可以出去玩玩。

■ 文宏：從嘉義玩回來，晚上住在阿里山。

■ Huyện/ thành Chia Yi , huyện/ thành TaiNan

■ Văn Hùng kết hôn với cô gái Thái Lan Phấn Lợi , hiện ngụ tại miền Bắc . Họ về quê ở Đài Nam phụ buôn bán hoa sen .

■ Cảnh I : Phòng khách

■ Mẹ : Phấn Lợi mỉm cười , thân thiện tiếp đón khách hàng , nên nhận được rất nhiều lời khen ngợi .

■ Phấn Lợi : con xin cảm ơn , mẹ quá lời .

■ Cha : Ngày mai chúng ta có thể đi chơi rồi .

■ Văn Hùng : từ Chia Yi về , đến tối chúng ta có thể nghỉ tại núi A Li Shan .

■母：大家都累了，早點休息吧！

■家人互道晚安，各自回房休息。

■場景二：阿里山的夜晚，家人邊喝咖啡，邊聊天。

■文宏：早上在達娜伊谷溪自然生態公園看到的魚，是屬於保護類的臺灣鯛魚。

■父：鄒族人組成巡邏隊護溪，才保有這麼自然又美麗的地方。

■ Mẹ : mọi người đều mệt rồi , chúng ta đi nghỉ sớm thôi !

■ Mọi người chào hỏi xong , đều quay về phòng của mình để nghỉ ngơi .

■ Cảnh II : buổi tối tại núi A Li Shan , cả nhà quay quần nhau vừa uống cà-fê vừa tán dóc .

■ Văn Hùng : sáng mai chúng ta có thể đi câu cá ở công viên thiên nhiên của Kênh TaNaYiGu , ở đó có các loài cá thuộc cá được bảo tồn .

■ Cha : dân tộc Tsuo có tổ chức một đội tuần tra chuyên đi bảo vệ kênh , như thế mới có thể giữ gìn vẻ đẹp tự nhiên của nơi này .



■ 母：中午吃的是鄒族風味餐，味道真不錯。

■ 父：黃昏的雲霧飄飄，好像置身仙境，感覺真好。

■ 文宏：神木又高又大，很不錯！

■ 芬莉：我期待明天的日出。

■ 場景三：臺南市安平古堡

■ 文宏：考考你，昨天的晚餐是什麼？

■ 芬莉：讓我想一想，是嘉義火車站前的雞肉飯。

- Mẹ : trưa nay chúng ta ăn món ăn của dân tộc Tsuo , khẩu vị rất ngon .
- Cha : sương mù rơi khi hoàng hôn , cảm giác như đang ở cảnh tiên , cảm thấy hay hay .
- Văn Hùng : Thần gỗ vừa to vừa cao , đẹp quá !
- Phấn Lợi : em vô cùng chờ đợi mặt trời trong ngày mai .
- Cảnh III : Thành cổ An Ping tại TaiNan
- Văn Hùng : anh đổ em nhé , cơm tối hôm qua mình ăn cái gì ?
- Phấn Lợi : để em nhớ nào , món cơm gà lửa ở trước trạm tàu hỏa Chia Yi .



■ 母：通常，路過嘉義的遊客，都會慕名而來。你覺得怎麼樣？

■ 芬莉：和臺南的虱目魚粥一樣，令我印象深刻。

■ 文宏：下午要開車逛一逛臺南縣。

■ 母：玉井鄉盛產芒果，整個山頭果實纍纍，真美！

■ 文宏：就像芬莉喜愛的榴槤一樣。

■ 父：今年中秋節回來吃麻豆文旦吧！

■ 芬莉：好啊！

- Mẹ : bình thường , du khách khi đi ngang qua Chia Yi , đều đến đó , con thấy như thế nào ?
- Phấn Lợi : có giống như cháo cá măng , con có ấn tượng sâu nhất .
- Văn Hùng : trưa nay chúng ta lái xe đi dạo huyện TaiNan .
- Mẹ : Làng Yu Ching là nơi trồng rất nhiều trái xoài , cả một đồi núi đều phủ đầy bởi trái xoài , đẹp vô cùng !
- Văn Hùng : cũng giống như Phấn Lợi rất thích ăn trái sầu riêng vậy .
- Cha : tết trung thu năm nay về Ma Tuo ăn quả bưởi !
- Phấn Lợi : tuyệt quá !



■假期結束，文宏攜帶著臺南和嘉義的名產，準備送給左右鄰居及好友，在家人的親切祝福下，開車返回臺北。

■安平古堡，原名「熱蘭遮城」，曾經是對外貿易的總樞紐，也是全省歷史最悠久的古蹟之一。

■億載金城，又稱「二鯤身砲臺」。西元1876年，沈葆楨為鞏固安平海防，委託法國技師設計而建成。

- Kết thúc ngày nghỉ , Văn Hùng mang theo đặc sản của TaiNan và Chia Yi , chuẩn bị để làm quà tặng cho bạn bè và láng giềng , sau khi gửi lời chào tạm biệt với người nhà , họ liền lái xe trở về Đài Bắc .
- Thành cổ An Ping nguyên mang tên 「 Thành Zeelandia Fort 」 là nơi mật dịch chủ chốt , đồng thời là cổ tích có lịch sử lâu đời nhất Đài Loan .
- Thành cổ Yi Zhai , còn có tên gọi là 「 Pháo đài Er Kun Shen 」 . Vào năm 1876 , Shen Pao Zhen do củng cố vùng biển An Ping , nên uỷ thác cho nhà thiết kế người Pháp thiết kế và xây dựng nên .



- 聞名的鹽水蜂炮，是鹽水人為慶祝元宵節及回報關聖帝君的庇祐，而精心設計。
- 七股潟湖，是指外圍沙洲與陸地間淺海的水域。黑面琵鷺經常來這裡作客。

- 
- Pháo ông nổi tiếng của Yan Shui , được đốt vào lễ hội rằm tháng giêng , được thiết kế để đền đáp sự phù hộ của Quan Thánh Đế Quân .
  - Lagoon tại Chih Ku , chỉ khu vực nước biển cận giáp ranh giữa vùng ngoài của đất bồi và đồng bằng . Loài chim Plataleaminor Back thường đến làm khách ở đây .



|                                                                                   |                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 文 <sup>ㄨㄣˊ</sup> 宏 <sup>ㄏㄨㄥˊ</sup>                                                | Văn Hùng               |
| 泰 <sup>ㄊㄞˋ</sup> 國 <sup>ㄍㄨㄛˊ</sup>                                                | Thái Lan               |
| 招 <sup>ㄓㄠ</sup> 呼 <sup>ㄏㄨ</sup>                                                   | Chiêu đãi              |
| 贏 <sup>ㄩㄥ</sup> 得 <sup>ㄉㄜˊ</sup> 好 <sup>ㄏㄠˇ</sup> 評 <sup>ㄆㄧㄥˊ</sup>               | Nhận được sự khen ngợi |
| 誇 <sup>ㄎㄨㄞ</sup> 獎 <sup>ㄐㄩㄤˊ</sup>                                                | Khen thưởng            |
| 嘉 <sup>ㄐㄧㄞ</sup> 義 <sup>ㄧˋ</sup>                                                  | Chia Yi                |
| 達 <sup>ㄉㄚˊ</sup> 娜 <sup>ㄋㄚˊ</sup> 伊 <sup>ㄧ</sup> 谷 <sup>ㄍㄨˊ</sup> 溪 <sup>ㄒㄩ</sup> | Kênh TaNaYiGu          |
| 鄒 <sup>ㄗㄠ</sup> 族 <sup>ㄘㄨˊ</sup>                                                  | Dân tộc Tsuo           |
| 巡 <sup>ㄒㄩㄣ</sup> 邏 <sup>ㄌㄨㄛˊ</sup> 隊 <sup>ㄉㄞˋ</sup>                               | Đội tuần tra           |
| 仙 <sup>ㄒㄩㄢ</sup> 境 <sup>ㄐㄩㄥˊ</sup>                                                | Cảnh tiên              |
| 昨 <sup>ㄗㄜˊ</sup> 天 <sup>ㄊㄞˊ</sup>                                                 | Hôm qua                |
| 虱 <sup>ㄕㄨ</sup> 目 <sup>ㄇㄨˊ</sup> 魚 <sup>ㄩˊ</sup> 粥 <sup>ㄗㄨˊ</sup>                 | Cháo cá măng           |
| 榴 <sup>ㄌㄧㄡˊ</sup> 槌 <sup>ㄘㄨㄟ</sup>                                                | Sầu riêng              |
| 麻 <sup>ㄇㄚˊ</sup> 豆 <sup>ㄉㄨˊ</sup> 文 <sup>ㄨㄣˊ</sup> 旦 <sup>ㄉㄢˋ</sup>               | Quả bưởi Ma Tou        |
| 攜 <sup>ㄒㄩㄝ</sup> 帶 <sup>ㄉㄞˋ</sup>                                                 | Mang theo              |
| 左 <sup>ㄗㄨㄛˊ</sup> 鄰 <sup>ㄌㄩㄣˊ</sup> 右 <sup>ㄩˋ</sup> 舍 <sup>ㄕㄞˋ</sup>              | Hàng xóm láng giềng    |
| 安 <sup>ㄢ</sup> 平 <sup>ㄆㄧㄥˊ</sup> 古 <sup>ㄍㄨˊ</sup> 堡 <sup>ㄅㄠˇ</sup>                | Thành cổ An Ping       |
| 貿 <sup>ㄇㄠˋ</sup> 易 <sup>ㄧˋ</sup>                                                  | Mậu dịch               |
| 樞 <sup>ㄕㄨ</sup> 紐 <sup>ㄋㄩˊ</sup>                                                  | Chủ chốt               |

億<sup>ㄧˋ</sup>載<sup>ㄗㄞˋ</sup>金<sup>ㄐㄧㄣ</sup>城<sup>ㄘㄩㄥˊ</sup> Thành cổ Yi Zai

二<sup>ㄦˊ</sup>鯤<sup>ㄎㄨㄣ</sup>身<sup>ㄕㄢ</sup> Er Kun Shen

委<sup>ㄨㄟ</sup>託<sup>ㄊㄛˋ</sup> Ủy thác

關<sup>ㄍㄨㄢ</sup>聖<sup>ㄕㄨㄥˋ</sup>帝<sup>ㄉㄧˋ</sup>君<sup>ㄐㄩㄣ</sup> Quan thánh địa quân

七<sup>ㄘ</sup>股<sup>ㄉㄨ</sup> Chi Ku

沙<sup>ㄕㄚ</sup>洲<sup>ㄗㄡ</sup> Đất bồi

陸<sup>ㄌㄜˋ</sup>地<sup>ㄉㄧˋ</sup> Đồng bằng

淺<sup>ㄑㄧㄢˇ</sup>海<sup>ㄏㄞˋ</sup> Biển cạn